

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-02-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Chu Xuân Toàn.

Ông Nguyễn Thái Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị T, sinh năm 1994.

2. Bị đơn: Anh Trần A, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Anh Trần A vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị T:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị T và anh Trần A tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92/2013 ngày 14/11/2013 của UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thì cả hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, có nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Mâu thuẫn của anh chị

càng ngày càng trầm trọng, anh chị đã tự giải quyết và được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng đều không thành nên cả hai đã ly thân, không sống chung với nhau. Hiện nay chị T và anh A mỗi người sinh sống, làm việc ở một nơi. Chị T cảm thấy mâu thuẫn hôn nhân đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Trần Anh .

Về nuôi con và cấp dưỡng: Chị T và anh Trần A có 03 con chung là Trần Đức Đ, sinh ngày 20/6/2014; Trần Tiểu B, sinh ngày 04/12/2016 và Trần Đức P, sinh ngày 01/5/2021. Chị có công việc, thu nhập ổn định, hiện nay các cháu Trần Đức Đ, Trần Tiểu B đang ở với chị và có nguyện vọng được ở với mẹ nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi các cháu Trần Đức Đ và Trần Tiểu B, còn anh Trần Anh N cháu Trần Đức P vì cháu P đang ở với anh Trần Anh . Chị T không yêu cầu anh Trần A phải cấp dưỡng nuôi các cháu Trần Đức Đ và Trần Tiểu B.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Trần A không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến, yêu cầu của bị đơn anh Trần A:

Anh Trần A không chấp nhận ly hôn với chị T vì anh còn thương chị T, anh mong muốn vợ chồng bỏ qua lỗi lầm để cùng nhau chăm sóc các con khôn lớn, có hạnh phúc trọn vẹn. Ngoài ra anh Trần A không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị T, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn anh Trần Anh .

Về nuôi con và cấp dưỡng: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung là Trần Đức Đ, sinh ngày 20/6/2014 và Trần Tiểu B, sinh ngày 04/12/2016. Giao cho anh Trần A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trần Đức P, sinh ngày 01/5/2021. Cả hai đều không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại “Đơn khởi kiện” ngày 14/11/2024, chị Hồ Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Trần Anh . Các đương sự đều cư trú tại thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai, tranh chấp không có yếu tố nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T.

[2] Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; anh Trần A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Trần A theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Trần A tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92/2013 ngày 14/11/2013 của UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn của anh chị đảm bảo điều kiện kết hôn, được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn: Theo lời trình bày của chị T thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh chị là do anh Trần A có tính cách nóng nảy, thường nổi nóng chửi đánh chị T; anh Trần A là người gia trưởng, mọi việc chị T làm đều phải theo ý của anh Trần A; chị T đã cố gắng chịu đựng để gia đình êm ấm, hòa thuận nhưng không có kết quả. Anh Trần A không trình bày về mâu thuẫn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh và chị T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh Trần A vắng mặt, chỉ gửi bản trình bày ý kiến, chị T có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và kiên quyết không đồng ý hòa giải đoàn tụ, giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Trần A nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào lời trình bày và địa chỉ gửi các văn bản trình bày, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án thì hiện nay chị T và anh Trần A không có mặt tại nơi đăng ký cư trú, anh chị đều đi làm ở tỉnh Bình Dương nhưng không sống chung với nhau mà mỗi người sinh sống, làm việc một nơi. Mặc dù không đồng ý ly hôn với chị T nhưng anh Trần A cũng không chủ động tìm cách hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T mà để mặc chị T đơn phương tham gia tố tụng. Điều này thể hiện anh chị không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đã ly thân, không sống chung, bỏ mặc người kia, làm cho quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Trần Anh .

[5] Về yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng: Chị T và anh Trần A có 03 con chung là Trần Đức Đ, sinh ngày 20/6/2014; Trần Tiểu B, sinh ngày 04/12/2016 và Trần Đức

P, sinh ngày 01/5/2021. Theo lời trình bày của chị T thì hiện nay các cháu Đ, B đang ở với chị T, cháu P ở với anh Trần Anh . Quá trình giải quyết vụ án, các cháu Đ, B có bản trình bày ý kiến về việc được ở mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Mặc dù đã được Tòa án thông báo nhưng anh Trần A không có ý kiến, yêu cầu vụ thể liên quan đến việc nuôi con nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét nguyện vọng của anh Trần A về vấn đề này. Xét thấy chị T có công việc, thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi con, yêu cầu của chị T phù hợp với nguyện vọng của các con và thực tế, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, sau khi ly hôn, giao cho chị T trực tiếp nuôi các cháu Trần Đức Đ và Trần Tiểu B, giao cho anh Trần A trực tiếp nuôi cháu Trần Đức P. Chị T và anh Trần A đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung do cả hai đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề này.

[6] Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh Trần A đều không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề này.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Các Điều 4, 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hồ Thị T được ly hôn anh Trần Anh .

1.2. Về nuôi con và cấp dưỡng: Giao cho chị Hồ Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung là Trần Đức Đ, sinh ngày 20/6/2014 và Trần Tiểu B, sinh ngày 04/12/2016.

Giao cho anh Trần A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Đức P, sinh ngày 01/5/2021.

Thời điểm trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị Hồ Thị T và anh Trần A bắt đầu từ ngày 07/02/2025 cho đến khi con chung thành niên, hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Hồ Thị T và anh Trần A đều không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Hồ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0006086** ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Pưh;
- CCTHADS huyện Chư Pưh;
- UBND xã Ia Le, huyện Chư Pưh;
- Lưu: HSVA, VT-LT, CPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tiến Sỹ